

bảo đảm chi trả thường xuyên, nếu còn vốn được sử dụng để mua trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu công trình.

Điều 5.

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm: hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thực hiện cơ chế chuyển giao, tiếp nhận, sử dụng và hoàn trả nguồn vốn tiết kiệm bưu điện giữa Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông và Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ giao mức huy động nguồn vốn tiết kiệm bưu điện hàng năm cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông; quyết định lãi suất Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia phải trả cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông; xem xét chấp thuận mức bảo đảm chi trả thường xuyên; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện chế độ hạch toán kế toán đối với dịch vụ tiết kiệm bưu điện; quản lý nhà nước về tài chính đối với dịch vụ tiết kiệm bưu điện trong Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm giám sát, kiểm tra lãi suất huy động, chuyển tiền và công tác an toàn kho quỹ của toàn bộ hệ thống dịch vụ tiết kiệm bưu điện; giúp đỡ Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đào tạo và bồi dưỡng về nghiệp vụ tiết kiệm cho các nhân viên bưu điện làm dịch vụ tiết kiệm; hướng dẫn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung ứng dịch vụ thanh toán tiện lợi cho dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

3. Tổng cục Bưu điện thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với dịch vụ tiết kiệm bưu điện trong việc cấp giấy phép mở dịch vụ, xây dựng thể lệ, ban hành chỉ tiêu chất lượng dịch vụ bưu chính đối với dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

4. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm: xây dựng, ban hành thể lệ tiết kiệm bưu điện sau khi được Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Bưu điện chấp thuận; tận dụng mạng lưới bưu chính viễn thông để tổ chức, thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện theo các quy định tại Quyết định này và Quy chế

tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; bảo đảm chuyển vốn cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia và chi trả đầy đủ, kịp thời, thuận tiện (bao gồm cả gốc và lãi) cho người gửi tiền tiết kiệm.

5. Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia có trách nhiệm: phối hợp với Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông trong việc chuyển giao, tiếp nhận nguồn vốn tiết kiệm bưu điện định kỳ trong năm và sử dụng nguồn vốn tiết kiệm bưu điện theo đúng chủ trương của Chính phủ; thu hồi vốn cho vay và hoàn trả đầy đủ cả vốn và lãi theo hợp đồng cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam để chi trả cho người gửi tiền.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia hướng dẫn và thực hiện Quyết định này.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 989/QĐ-TTg ngày 04/11/1998 về giao nhiệm vụ tiến hành chuẩn bị thành lập Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 519/TTg ngày 06/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996 - 2010;

Xét tờ trình số 1248/1998/BKHCMNT-VPCNC ngày 23/5/1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; kèm theo Công văn số 3072/CV-UB-KT của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo xây dựng Quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi giai đoạn I Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để quyết định thành lập Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Để quản lý mặt bằng theo quy hoạch, tạo thuận lợi cho việc xúc tiến các bước tiếp theo, giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Tổng cục Địa chính và các đầu mối liên quan thực hiện việc xác định chỉ giới cụ thể Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ và các mốc giới chủ yếu trên thực địa với quy mô tổng diện tích 800 ha tại Quận 9 thành phố Hồ Chí Minh, trong đó giai đoạn I (đến năm 2005) là 300 ha, trước mắt đến năm 2000 là 100 ha.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng phương án quy hoạch tái định cư dân để phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn I và các giai đoạn tiếp sau.

Điều 4. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tạo nguồn, cân đối giải quyết kinh phí từ ngân sách nhà nước để Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi,

09663142